TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 276/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đặng Thụy Thùy Nga

2/ Ông Nguyễn Hoàng Thái

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm: 2001

Địa chỉ: ấp PT, xã PT, thành phố MT, tỉnh TG.

Bị đơn: **Võ Khánh B**, sinh năm: 2001

Địa chỉ: ấp N, xã LH, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị N có mặt; anh B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Võ Khánh B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do anh B ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cải vả. Chị N và anh B đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Võ Khánh B.

- Về con chung: Có một con chung tên Võ Ngọc Như Y, sinh ngày 21/3/2021, hiện cháu đang sống với anh B. Khi ly hôn chị N đồng ý giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng là 1.000.000đồng

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 12/5/2023 bị đơn anh Võ Khánh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B thống nhất theo lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phú đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuân. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cải vả. Nay anh B đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có một con chung tên Võ Ngọc N Y, sinh ngày 21/3/2021, hiện cháu đang sống với anh B. Khi ly hôn anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng của chị N.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện

đúng, đầy đủ theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N, cho chị N được ly hôn với anh Võ Khánh B. Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc N Y, sinh ngày 21/3/2021 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Võ Khánh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**2]** – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn với anh Võ Khánh B. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị N và anh B xác lập hôn nhân vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị N và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả. Chị N và anh B đã ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị N và anh B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn và anh Bình cũng đồng ý, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị N và anh B có 01 con chung tên Võ Ngọc N Y, sinh ngày 21/3/2021, hiện cháu đang sống với anh B. Khi ly hôn chị N và anh B thoả thuận giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn giữa chị N và anh B là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung chị N và anh B thống nhất không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Võ Khánh B.

- Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc N Y, sinh ngày 21/3/2021 cho anh Võ Khánh B tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Võ Ngọc N Y mỗi tháng là 1.000.000đồng. Bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N Y đủ 18 tuổi.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0021456 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem chị N còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã LH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh